TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/DS - ST
Ngày: 15-6-2021
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Rô Be

2. Bà Phan Thị Trúc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp,tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc *" Tranh chấp hợp đồng vay tài sản "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXX-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Tân H, sinh năm: 1964 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, thị trấn H, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nguyễn Tân H ủy quyền cho ông Lê Quang Đ, sinh năm: 1958 theo văn bản ủy quyền ngày 28/01/2021 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn H, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

2/. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1979 (Có mặt)

Anh Nguyễn Công L, sinh năm: 1978 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, thị trấn H, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Quang Đ trình bày:

Nguyên trước đây vào ngày 07 tháng 9 năm 2019 cô Nguyễn Thị Kim N là giáo viên trường THCS xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, có đến nhà ông Nguyễn Tân H hỏi vay số tiền là 715.000.000đ. Cô N hứa với ông H đến cuối tháng 11/2019 sẽ trả. Với lý do cô N vay để đáo nợ Ngân hàng và cho con gái đi du học nước ngoài. Nhưng đến hết tháng 01/2020 cô N mới trả cho ông H số tiền 208.000.000đ và còn nợ lại 507.000.000đ từ đó đến nay cô N không trả nữa. Ông H có đến nhắc nhở nhiều lần nhưng cô N, chỉ cam kết mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu cô Nguyễn Thị Kim N, anh Nguyễn Công L liên đới trả số tiền 507.000.000đ (*Năm trăm lẽ bảy triệu đồng)* và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 01 tháng 02 năm 2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày :

Nguyên vào ngày 07 tháng 9 năm 2019 chị N có đến nhà ông Nguyễn Tân H hỏi vay số tiền là 715.000.000đ để kinh doanh buôn bán, khi vay hai bên có viết tờ cam kết trả nợ và không thỏa thuận lãi suất, sau đó đến hết tháng 01/2020 chị Ngọc có trả cho ông H được số tiền 208.000.000đ và còn nợ lại 507.000.000đ. Do làm ăn thất bại từ đó đến nay chị N chưa trả số tiền còn lại cho ông H được.

Tại phiên tòa chị N thừa nhận còn nợ ông H số tiền 507.000.000đ (*Năm trăm lẽ bảy triệu đồng)* và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết nợ. Số nợ này do một mình chị vay chồng chị anh Nguyễn Công L không có liên quan gì.

Bị đơn anh Nguyễn Công L trình bày theo bản tự khai ngày 15 tháng 3 năm 2021 cho rằng việc giao dịch mượn tiền giữa cô Ngọc và ông H như thế nào thì anh hoàn toàn không hay biết. Nay ông H yêu cầu cô Nguyễn Thị Kim N và anh liên đới trả số tiền 507.000.000đ (*Năm trăm lẽ bảy triệu đồng)* anh không đồng ý trả số nợ này vì anh không có ký tên vào tờ cam kết ngày 28/9/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Tân H khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Công L trả số tiền 507.000.000đ (*Năm trăm lẽ bảy triệu đồng)* và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 01 tháng 02 năm 2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Tân H khởi kiện chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Công L, anh L và chị N, anh L có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: ấp B, thị trấn H, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy

định tại khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Nguyễn Công L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Công L.

[4] Về nội dụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tân H khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Công L liên đới trả số tiền 507.000.000đ (*Năm trăm lẽ bảy triệu đồng)* và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 01 tháng 02 năm 2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy ông H và chị N, anh L là chỗ quen biết từ trước do cần vốn để đáo nợ Ngân hàng và cho con gái đi du học nước ngoài ngày 07/9/2019 chị N có đến nhà ông Nguyễn Tân H hỏi vay số tiền là 715.000.000đ khi vay hai bên có làm tờ cam kết viết tay ngày 28/9/2019 do chị N viết và ký tên. Chị N cam kết đến tháng 11 năm 2019 sẽ thanh toán hết số nợ trên cho ông H. Nhưng đến hẹn chị N và anh L không thực hiện đúng theo cam kết, ông H có đến nhà nhắc nhở rất nhiều lần. Đến tháng 01 năm 2020 chị N và anh L có trả được cho ông H số tiền 208.000.000đ và còn nợ lại là 507.000.000đ từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay chị N, anh L không chịu thanh toán việc chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Công L không trả nợ cho ông H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Ông H cho rằng tại thời điểm làm tờ cam kết ngày 28/9/2019 do tin tưởng chị N là giáo viên còn anh L là người có uy tin ở địa phương nên ông không yêu cầu anh Luận ký vào tờ cam kết, nhưng anh L biết về số nợ này.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Công L cùng liên đới trả cho ông H số tiền 507.000.000đ (*Năm trăm lẽ bảy triệu đồng)* và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 01 tháng 02 năm 2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu tính lãi của ông H Hội đồng xét xử xét thấy theo tờ cam kết trả nợ ngày 28/9/2019 tại thời điểm giao kết hợp đồng hai bên không thỏa thuận lãi suất. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 4, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông Hiệp. Lãi suất được tính cụ thể như sau:

Từ ngày 01/02/2020 đến ngày 15/6/2021 là 16 tháng 15 ngày

Tại phiên nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi làm tròn 16 tháng, đây là tự nguyện của nguyên đơn nên HĐXX ghi nhận, lãi suất tính như sau:

Số tiền gốc 507.000.000đ x 0,83%/tháng x 16 tháng = 67.329.600đ.

[6] Xét lời phản biện của bị đơn chị Nguyễn Thị Kim N cho rằng trước đây chị có đến nhà ông Nguyễn Tân H hỏi vay số tiền là 715.000.000đ để kinh doanh buôn bán số tiền này do một mình chị vay chồng chị anh L không có liên quan gì. Đến tháng 01 năm 2020 chị có trả được cho ông H số tiền 208.000.000đ và còn nợ lại 507.000.000đ nhưng do làm ăn thất bại chị chưa trả số tiền trên cho ông H. Tại phiên tòa chị N thừa nhận còn nợ ông Nguyễn Tân H số tiền trên và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết nợ. Việc chị N xin trả dần không được ông H chấp nhận, hơn nữa trước đây ông H cũng cho chị và anh L có thời gian trả nợ nhưng đến nay anh L, chị N vẫn chưa thanh toán nợ cho ông H, việc chị N anh L không thanh toán số trên là vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

[7] Xét lời phản biện của bị đơn anh Nguyễn Công L cho rằng anh không biết gì về việc vay mượn nợ giữa ông Nguyễn Tân H và chị Nguyễn Thị Kim N nay ông H yêu cầu anh cùng liên đới trả số nợ trên thì anh không đồng ý vì anh không có ký tên vào tờ cam kết nhận nợ. Xét lời phản biện của anh Nguyễn Công L là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ, anh và chị N là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang số 40, quyển số 01/2004 ngày 26/4/2004. Việc chị N vay tiền của ông H là để làm ăn kinh doanh buôn bán, việc chị N vay tiền của ông H để phục vụ nhu cầu thiết yếu cho gia đình và đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân.

Theo quy định tại điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24; 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại điều 37 của Luật này.

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Công L liên đới trả cho ông Nguyễn Tân H số tiền 574.329.600đ (*Năm trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm đồng)*.Trong đó số tiền gốc là 507.000.000đ và lãi 67.329.600đ.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là 574.329.600đ (*Năm trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm đồng)*.

Án phí tính như sau: 574.329.600đ án phí là 20.000.000đ (174.329.600đ x 4%) = 26.973.184đ (*Hai mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn một trăm tám mươi bốn đồng*).

- Yêu cầu của ông Hiệp được chấp nhận nên ông H không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho ông Nguyễn Tân H số tiền tạm ứng án phí 12.140.000đ

(*Mười hai triệu một trăm mười bốn nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0008153 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc chị Nguyễn Thị Kim N anh Nguyễn Công L phải nộp 26.973.184đ (*Hai mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn một trăm tám mươi bốn đồng*).

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, ,khoản 2, 4 Điều 91, Điều 147; khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 351, Điều 463, Điều 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tân H.

2. Buộc chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Công L trả cho ông Nguyễn Tân H số tiền 574.329.600đ (*Năm trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm đồng)*.Trong đó số tiền gốc là 507.000.000đ và lãi 67.329.600đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Yêu cầu của ông Hiệp được chấp nhận nên ông H không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho ông Nguyễn Tân H số tiền tạm ứng án phí 12.140.000đ (*Mười hai triệu một trăm mười bốn nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0008153 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc chị Nguyễn Thị Kim N, anh Nguyễn Công L phải nộp 26.973.184đ (*Hai mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn một trăm tám mươi bốn đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Tân H, chị Nguyễn Thị Kim N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Công L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Vũ